

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nghiêm Đình Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ma Công Đăng

Ông Nguyễn Ngọc Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Thủy, Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 03/2023/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Trương Thị V**, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh T. Vắng mặt.

* Bị đơn: Anh **Phùng Thừa Q**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện và tại các lời khai, nguyên đơn chị Trương Thị V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phùng Thừa Q đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc tại UBND xã T ngày 11/6/2013. Sau khi kết hôn xong vợ chồng chung sống tại thôn T, xã P, huyện L, tỉnh T. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc, đến tháng 8 năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh Q không chịu khó làm ăn, hay uống rượu, thường xuyên đánh chị. Vợ chồng chị sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị V xác định không còn tình cảm với anh Q và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phùng Thừa Q.

- Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Phùng Xuân H1, sinh ngày 24/8/2013 và cháu Phùng Xuân H2, sinh ngày 12/4/2016. Chị đề nghị Tòa án giao hai con cho anh Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi và chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

- Về vay, nợ chung: Không có nợ chung.

Tại phiên tòa: Chị V vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Q vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

*** Về tố tụng:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định về quyền nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị V được ly hôn với anh Phùng Thừa Q.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Phùng Xuân H1, sinh ngày 24/8/2013 và cháu Phùng Xuân H2, sinh ngày 12/4/2016 cho anh Phùng Thừa Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị Trương Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị V xác định không có.

- Về nợ chung: Chị V xác định không có.

- Về án phí: Chị V phải chịu án phí theo quy định.

- Về quyền kháng cáo: Chị V và anh Q được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn đã xác định đúng địa chỉ của bị đơn anh Phùng Thừa Q tại thôn T, xã P, huyện L, tỉnh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Q theo quy định, nhưng anh Q không đến Tòa án để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh Q đăng ký kết hôn ngày 11/6/2013 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh T trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh Q là hợp pháp.

Chị V và anh Q mâu thuẫn với nhau thời gian dài, nội dung này được gia đình anh Q xác nhận. Đồng thời sống ly thân không còn quan tâm đến nhau từ đầu năm 2021. Hiện nay, vợ chồng mỗi người ở một nơi, không quan tâm, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, làm cho cuộc sống hôn

nhân lâm vào tình trạng trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị V ly hôn với anh Q.

- Về con chung: Chị V và anh Q có 02 (hai) con chung là cháu Phùng Xuân H1, sinh ngày 24/8/2013 và cháu Phùng Xuân H2, sinh ngày 12/4/2016.

Hiện nay, hai cháu đang ở với anh Q và được bà Lý Thị T là bác của anh Q giúp anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị V đi làm không có mặt ở địa phương từ năm 2021 và đề nghị giao hai con cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên vọng của cháu H1 là muốn được ở với bố. Vì vậy, cần giao hai con chung là cháu H1, cháu H2 cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị Trương Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Chị V xác định không có.

[3] Về án phí: Chị V phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị V và anh Q được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị V.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị V được ly hôn với anh Phùng Thừa Q.

[2]. Về con chung: Giao con chung là cháu Phùng Xuân H1, sinh ngày 24/8/2013 và cháu Phùng Xuân H2, sinh ngày 12/4/2016 cho anh Phùng Thừa Quý trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi.

Chị Trương Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị Trương Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0001567 ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang. Chị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trương Thị V, bị đơn anh Phùng Thừa Q vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TQ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- VKSND huyện Lâm Bình;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Lâm Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã Thổ Bình (để ghi Sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, TA.

Nghiêm Đình Long